

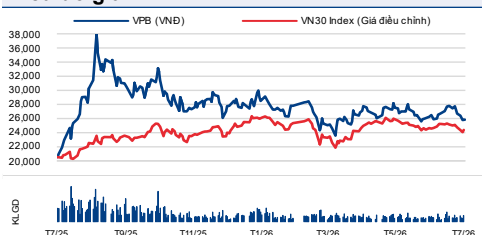
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ36,800
Tiềm năng tăng/giảm: 42.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (17/7/2026)	25,850
Mã Bloomberg	VPB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	20,976-37,974
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	26,110
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	205,092
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,800
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,934
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,380
Slg CP NN được mua (tr.đv)	406
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	24.9%
Tỷ lệ freefloat	58.3%
Cổ đông lớn	lững, người liên quan (19.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	1,260	1,583	1,963
Dư nợ cho vay (ntđ)	945	1,185	1,525
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	74.5	88.6	109
Lợi nhuận thuần (ntđ)	24.0	28.9	36.8
BVPS (đồng)	21,163	24,357	28,555
EPS (đồng)	3,024	3,648	4,633
DPS (đồng)	500	500	500
T.trưởng cho vay KH (%)	36.3	25.3	28.7
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	19.6	19.0	23.0
Tăng trưởng EPS (%)	52.1	20.7	27.0
Tăng trưởng DPS (%)	(50.0)	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	16.5	13.7	10.8
ROAE (%)	15.5	16.0	17.5
ROAA (%)	2.20	2.04	2.07
Tỷ lệ NIM (%)	5.56	5.17	5.13
Tỷ lệ CIR (%)	24.8	22.8	21.7
Hệ số CAR (%)	14.3	12.8	11.8
Tỷ lệ nợ xấu (%)	3.33	3.25	3.11
LLR/nợ xấu (%)	55.4	53.4	54.1
Hệ số LDR (%)	151	149	147
P/B (lần)	1.22	1.06	0.91
P/E (lần)	8.55	7.09	5.58
Lợi suất cổ tức (%)	1.93	1.93	1.93

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VPB hiện có quy mô tổng tài sản lớn thứ hai trong nhóm các NH tư nhân. Với chiến lược xây dựng một NH đa năng, VPB cung cấp toàn diện các giải pháp và dịch vụ tài chính bao gồm NH thương mại, chứng khoán, cho vay tiêu dùng, và bảo hiểm.

Chuyên viên phân tích

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.phien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Nguyễn Bảo Ngọc

Chuyên Viên, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 3 4605 3471 Ext. 4883

LNTT Q2 tăng 77%, cao hơn đáng kể so với dự báo nhờ VPX

- VPB đã công bố KQKD Q2/2026 tích cực với LNTT đạt 11 nghìn tỷ đồng, tăng 77% so với cùng kỳ, cao hơn đáng kể so với dự báo Q2 của chúng tôi, chủ yếu nhờ VPX. Theo đó, LNTT 6 tháng đầu năm 2026 đạt 18,9 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 50% dự báo cả năm 2026 và vượt dự báo 6 tháng của chúng tôi.
- Động lực tăng trưởng lợi nhuận chính bao gồm: Tín dụng tăng trưởng 23,1% kể từ đầu năm và thu nhập phí & lãi mua bán trái phiếu tăng trưởng mạnh, nhờ hoạt động tư vấn và phân phối TPDN tại VPX. Tỷ lệ NIM thu hẹp đúng như dự báo trong khi chất lượng tài sản cải thiện nhẹ.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 7% trong 3 tháng qua, VPB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,06 lần, thấp hơn 23% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân – chúng tôi đánh giá đây là định giá rất hấp dẫn dựa trên KQKD gần đây và triển vọng của Ngân hàng. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026

VPB đã ghi nhận KQKD Q2/2026 khả quan với LNTT hợp nhất đạt 11 nghìn tỷ đồng, tăng 77% so với cùng kỳ (tăng 38,6% so với quý trước) và cao hơn 27% so với dự báo Q2 của chúng tôi ở mức 8,6 nghìn tỷ đồng. Theo đó, LNTT 6 tháng đầu năm 2026 đạt 18,9 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 50% dự báo cả năm 2026 và cao hơn so với dự báo 6 tháng của chúng tôi. Đáng chú ý, lợi nhuận 6 tháng đầu năm của VPB chỉ đóng góp 43% LNTT cả năm trong 3 năm gần nhất.

Động lực tăng trưởng lợi nhuận chính trong Q2 bao gồm: Tăng trưởng quy mô bảng cân đối mạnh mẽ cùng hoạt động tư vấn & phân phối TPDN tích cực tại VPX; KQKD vượt dự báo chủ yếu nhờ VPX trong khi kết quả tại Ngân hàng mẹ nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi. Cơ cấu KQKD Q2/2026 như sau:

- LNTT **Ngân hàng mẹ** đạt 8.183 tỷ đồng, tăng 42,2% so với cùng kỳ (tăng 10,8% so với quý trước) và cao hơn 3% so với dự báo của chúng tôi.
- LNTT **VPX** đạt 2.158 tỷ đồng, tăng 293% so với cùng kỳ (tăng 319% so với quý trước) và cao hơn 200% so với dự báo của chúng tôi.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 20/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q2/2026, VPB hợp nhất

Tỷ đồng	Q2/26	So với cùng kỳ	So với quý trước	6T26	So với cùng kỳ	% 2026 HSCF
Thu nhập lãi thuần	17,973	34%	6%	34,934	30%	49%
Thu nhập ngoài lãi	5,510	91%	87%	8,458	66%	49%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	3,490	155%	69%	5,555	119%	63%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	(847)	N/m	N/m	(1,267)	N/m	-389%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	605	66%	N/m	395	-5%	22%
Thu nhập khác	2,262	114%	50%	3,775	96%	58%
Tổng thu nhập HĐ	23,484	44%	18%	43,392	36%	49%
Chi phí HĐ	(4,614)	10%	7%	(8,932)	11%	44%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	18,870	56%	21%	34,459	45%	50%
Chi phí dự phòng	(7,910)	34%	3%	(15,579)	24%	51%
LNTT	10,959	76%	38%	18,880	68%	50%
Lợi nhuận thuần	8,385	72%	35%	14,583	67%	50%
Tăng trưởng tín dụng	11.7%			23.1%		
Tỷ lệ NIM	5.2%	-15 điểm cơ bản	-15 điểm cơ bản	5.3%	-27 điểm cơ bản	
Tỷ lệ nợ xấu	3.3%	-101 điểm cơ bản	-30 điểm cơ bản			

Nguồn: VPB, HSC

- LNTT **FE Credit** đạt 75 tỷ đồng, giảm 60% so với cùng kỳ (tăng 3% so với quý trước) và thấp hơn 25% so với dự báo của chúng tôi.
- LNTT **OPES** đạt 352 tỷ đồng, tăng 164% so với cùng kỳ (tăng 35% so với quý trước) và cao hơn 41% so với dự báo của chúng tôi.

Mở rộng mạnh mẽ quy mô bảng cân đối

Tăng trưởng tín dụng tiếp tục là điểm nhấn chính. Tổng tín dụng tăng 23,1% kể từ đầu năm và tăng 11,7% so với quý trước, khả năng thuộc nhóm tăng trưởng mạnh nhất trong ngành. Động lực tăng trưởng như sau:

- Theo đơn vị: Ngân hàng mẹ dẫn đầu tăng trưởng (tăng 24,7% kể từ đầu năm và tăng 12,6% so với quý trước), trong khi dư nợ cho vay ký quỹ của VPX tăng 12% kể từ đầu năm và tăng 5,2% so với quý trước, dư nợ tại FE Credit tăng 6,2% kể từ đầu năm và tăng 0,7% so với quý trước.
- Theo phân khúc khách hàng: Cho vay khách hàng doanh nghiệp và DNNVV dẫn dắt tăng trưởng (tăng 30,6% kể từ đầu năm và tăng 15,4% so với quý trước), trong khi cho vay bán lẻ tăng chậm hơn ở mức 15,9% kể từ đầu năm và tăng 8% so với quý trước.
- Theo ngành: Cho vay kinh doanh BĐS là động lực chính (tăng 43,8% kể từ đầu năm và tăng 25,3% so với quý trước). Ngược lại, cho vay mua nhà tăng chậm lại ở mức 9,5% kể từ đầu năm và tăng 2,4% so với quý trước trong bối cảnh lãi suất tăng và tâm lý thị trường BĐS suy yếu.

Huy động: Tổng huy động tăng 22,7% kể từ đầu năm và tăng 9,8% so với quý trước, trong đó tiền gửi khách hàng tăng 16,7% và giấy tờ có giá tăng 57,7%. VPB cũng đẩy mạnh huy động nguồn vốn nước ngoài thông qua các khoản vay hợp vốn liên kết bền vững đầu tiên trị giá 1,44 tỷ USD, được cung cấp bởi 15 tổ chức tài chính quốc tế hàng đầu.

Hệ số LDR theo quy định ở mức 84,5%, vẫn tuân thủ nhưng gần chạm trần 85%. Trong khi đó, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung & dài hạn (hệ số SML) vẫn thoải mái ở mức 22,5%.

Tỷ lệ NIM thu hẹp xuống 5,2%, giảm 15 điểm cơ bản cả so với cùng kỳ và so với quý trước

Tỷ lệ NIM hợp nhất thu hẹp 15 điểm cơ bản so với quý trước xuống 5,2% trong Q2/2026 do chi phí huy động tăng 78 điểm cơ bản trong khi lợi suất tài sản chỉ tăng 57 điểm cơ bản.

Xu hướng và tỷ lệ NIM nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi, mặc dù cả lợi suất tài sản và chi phí huy động đều tăng mạnh hơn kỳ vọng. Cạnh tranh huy động tiền gửi vẫn gay gắt, trong khi các nguồn vốn thay thế, bao gồm chứng chỉ tiền gửi và vay nước ngoài, có chi phí cao hơn so với tiền gửi khách hàng.

Thu nhập ngoài lãi được dẫn dắt bởi thu nhập phí và kinh doanh trái phiếu tại VPX

Thu nhập ngoài lãi đạt tổng cộng 5,5 nghìn tỷ đồng, tăng 91% so với cùng kỳ và tăng 87% so với quý trước. Động lực tăng trưởng bao gồm: Lãi thuần HĐ dịch vụ đạt 3,5 nghìn tỷ đồng, tăng 155% so với cùng kỳ và tăng 69% so với quý trước; thu nhập khác - chủ yếu từ thu hồi nợ xấu - đạt 2,26 nghìn tỷ đồng, tăng 114% so với cùng kỳ và tăng 50% so với quý trước; và lãi kinh doanh trái phiếu đạt 605 tỷ đồng. Những đóng góp này bị bù trừ một phần do HĐ kinh doanh ngoại hối ghi nhận lỗ thuần ở mức 847 tỷ đồng.

VPX - công ty con trong lĩnh vực chứng khoán - là đơn vị đóng góp chính cho cả thu nhập phí và thu nhập kinh doanh trái phiếu thông qua mảng tư vấn và phân phối TPDN.

Chất lượng tài sản cải thiện nhẹ

Tỷ lệ nợ xấu giảm 30 điểm cơ bản so với quý trước xuống 3,28%, phản ánh cả tín dụng tăng trưởng mạnh và nợ xấu mới hình thành thu hẹp. Tỷ lệ nợ

nhóm 2 ổn định so với quý trước, giúp kiểm soát áp lực chi phí tín dụng trong ngắn hạn.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu tăng lên 56,2% từ 52,7% trong Q1/2026, tiếp tục cải thiện nhẹ.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 7% trong 3 tháng qua, VPB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,06 lần, so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,37 lần, trong khi hệ số ROE dự phóng năm 2026 đạt 16% so với mức 17,1% của nhóm NHTM tư nhân. P/E dự phóng năm 2026 của VPB là 7,1 lần với EPS dự báo tăng trưởng 20,7%, so với tăng trưởng 14,8% của nhóm. Chúng tôi cho rằng mức định giá hiện tại là hấp dẫn và duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	80.1	101	137	168	197
Chi phí lãi	(31.0)	(42.6)	(65.9)	(80.2)	(93.3)
Thu nhập lãi thuần	49.1	58.6	71.2	88.3	104
Lãi thuần HĐ dịch vụ	6.12	7.41	8.84	10.1	11.6
Lãi thuần HĐ KDNH	0.83	0.30	0.33	0.33	0.34
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.82	1.57	1.80	1.88	1.98
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.01	0.04	0.02	0.03	0.03
Thu nhập khác	5.38	6.51	6.44	8.38	9.36
Tổng thu nhập HĐ	62.2	74.5	88.6	109	127
Chi phí HĐ	(14.3)	(18.4)	(20.2)	(23.7)	(27.2)
LN trước dự phòng	47.9	56.0	68.4	85.3	100
Chi phí dự phòng	(27.9)	(25.4)	(30.4)	(37.1)	(39.9)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	20.0	30.6	38.0	48.2	60.2
Chi phí thuế TNDN	(4.03)	(6.27)	(7.59)	(9.65)	(12.0)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.21	0.36	1.42	1.83	2.13
Lợi nhuận thuần	15.8	24.0	28.9	36.8	46.0
EPS (đồng)	1,988	3,024	3,648	4,633	5,803
DPS (đồng)	1,000	500	500	500	500
Slg CP bình quân (triệu đv)	7,934	7,934	7,934	7,934	7,934
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	7,934	7,934	7,934	7,934	7,934
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	7,934	7,934	7,934	7,934	7,934

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	2.15	2.77	7.29	12.5	16.7
Tiền gửi tại NHNN	14.3	13.6	16.0	20.8	23.9
Tiền gửi tại các TCTD khác	135	186	248	272	299
Chứng khoán kinh doanh	13.1	24.0	37.1	40.8	44.9
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	677	928	1,164	1,499	1,724
Tổng dư nợ cho vay	694	945	1,185	1,525	1,753
Dự phòng rủi ro	(16.3)	(17.4)	(20.6)	(25.6)	(29.0)
Chứng khoán đầu tư	52.8	64.4	66.9	70.2	73.7
CK đầu tư sẵn sàng để bán	51.9	64.5	65.9	69.2	72.6
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0.99	0	1.05	1.05	1.05
Dự phòng rủi ro	(0.07)	(0.03)	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0.19	0.19	0.19	0.19	0.19
Tài sản cố định	2.02	2.03	2.12	2.24	2.37
Tài sản khác	27.3	39.1	41.6	44.9	48.9
Tổng tài sản	924	1,260	1,583	1,963	2,234
Nợ phải trả	777	1,080	1,376	1,721	1,945
Tiền gửi của NHNN	0.01	0.02	0.02	0.02	0.02
Tiền gửi của các TCTD khác	202	295	374	427	468
Tổng tiền gửi KH	486	628	797	1,035	1,190
Trái phiếu và CCTG	67.0	107	166	211	233
Nợ khác	22.1	48.7	38.3	45.3	51.0
Vốn chủ sở hữu	142	168	193	227	273
Vốn điều lệ	79.3	79.3	79.3	79.3	79.3
Thặng dư vốn cổ phần	24.0	24.0	24.0	24.0	24.0
Lợi nhuận giữ lại	24.0	46.0	67.1	95.0	135
Quỹ & vốn khác của CSH	14.6	18.6	22.8	28.2	35.0
Lợi ích cổ đông thiểu số	5.37	12.4	13.8	15.6	16.2
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	924	1,260	1,583	1,963	2,234
BVPS (đồng)	17,886	21,163	24,357	28,555	34,437

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	13.0	36.4	25.7	24.0	13.8
Tăng trưởng cho vay KH (%)	22.3	36.3	25.3	28.7	15.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	9.79	29.3	26.8	30.0	15.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	12.7	33.0	31.0	29.5	14.2
Tăng trưởng VCSH (%)	5.40	18.3	15.1	17.2	20.6
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	28.6	19.5	21.4	24.0	17.8
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	2.86	28.5	9.82	16.9	14.9
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	33.8	16.9	22.1	24.8	17.3
Tăng trưởng LNTT (%)	85.2	53.1	23.9	27.1	24.8
Tăng trưởng LN thuần (%)	58.1	52.1	20.7	27.0	25.3

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	7.15	6.82	6.23	6.15	6.06
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.65)	(1.69)	(1.42)	(1.33)	(1.30)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.0	96.6	96.9	97.1	97.1
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.27	2.59	2.93	3.44	1.96
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	54.8	81.6	96.8	121	149

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	13.0	8.55	7.09	5.58	4.45
P/B (lần)	1.45	1.22	1.06	0.91	0.75
Lợi suất cổ tức (%)	3.87	1.93	1.93	1.93	1.93

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	25.3	32.2	32.7	33.7	36.2
ROAA (%)	1.81	2.20	2.04	2.07	2.19
ROAE (%)	11.4	15.5	16.0	17.5	18.4
Chi phí huy động BQ (%)	4.42	4.77	5.57	5.33	5.23
Lợi suất góp BQ (%)	9.69	9.59	9.96	9.79	9.68
Lợi suất thuần (%)	5.27	4.82	4.39	4.46	4.45
Tỷ lệ NIM (%)	5.94	5.56	5.17	5.13	5.10
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	9.84	9.95	9.97	9.27	9.11
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	78.8	78.8	80.3	81.0	81.7
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	11.3	11.3	9.69	9.75	9.20
Tỷ lệ CIR (%)	23.0	24.8	22.8	21.7	21.4
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	50.3	16.5	13.7	10.8	8.62

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	15.5	14.3	12.8	11.8	12.2
VCSH/Tổng TS (%)	15.4	13.3	12.2	11.5	12.2
Đòn bẩy vốn (lần)	6.51	7.51	8.19	8.66	8.18

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	4.19	3.33	3.25	3.11	3.09
Hệ số LLR (%)	56.2	55.4	53.4	54.1	53.6

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	143	151	149	147	147
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	26.7	28.7	28.0	25.5	24.7
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	75.1	75.0	74.8	77.7	78.5

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	288	294	299	304	309
Số lượng nhân viên	27,428	28,768	30,206	31,717	65,019

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn